

HƯỚNG DẪN BIỂU MẪU THỐNG KÊ

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số /2026/TTLT-VKSNDTC TANDTC-BCA-BQP-BTP ngày tháng năm 2026)

1. Hướng dẫn chung

- Việc thống kê giám định tư pháp được thực hiện trên cơ sở quyết định trung cầu giám định và yêu cầu giám định tư pháp của các cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Mỗi quyết định trung cầu, yêu cầu giám định tư pháp được tính là một đơn vị thống kê và chỉ được thống kê một lần trong từng chỉ tiêu tương ứng, không phụ thuộc vào số lượng nội dung giám định. Trường hợp một quyết định trung cầu giám định có nhiều nội dung giám định thì xác định và thống kê theo nội dung giám định chủ yếu, có ý nghĩa quyết định đối với việc giải quyết vụ việc, vụ án.

- Căn cứ vào loại giám định (Giám định lần đầu; Giám định bổ sung; Giám định lại; Giám định lại lần thứ hai; Giám định lại trong trường hợp đặc biệt), các đơn vị thống kê vào cột tương ứng.

- Kỳ thống kê: Thống kê về trung cầu giám định, kết luận giám định, việc sử dụng kết luận giám định tư pháp trong giải quyết các vụ án hình sự của các cơ quan tiến hành tố tụng; thống kê việc thực hiện giám định tư pháp của các tổ chức giám định công lập, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc và văn phòng giám định tư pháp được thực hiện theo các kỳ thống kê: hàng tháng, 06 tháng và 12 tháng.

+ Thời điểm thống kê tháng được tính từ ngày 01 đến ngày cuối cùng của tháng.

+ Thời điểm thống kê 06 tháng được tính từ ngày 01/01 đến ngày 30/6 của năm báo cáo.

+ Thời điểm thống kê 12 tháng được tính từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 của năm báo cáo.

- Đơn vị báo cáo:

+ Đơn vị được giao nhiệm vụ thống kê thuộc ngành Công an nhân dân có trách nhiệm lập biểu thống kê số 01 và 04.

+ Đơn vị được giao nhiệm vụ thống kê thuộc Bộ Quốc phòng có trách nhiệm lập biểu thống kê số 01 và 06.

+ Đơn vị được giao nhiệm vụ thống kê thuộc ngành Kiểm sát nhân dân có trách nhiệm lập biểu thống kê số 01 (Cơ quan điều tra VKSND tối cao trung cầu giám định), biểu thống kê số 02 và 05.

+ Đơn vị được giao nhiệm vụ thống kê thuộc ngành Tòa án nhân dân có trách nhiệm lập biểu thống kê số 03.

+ Đơn vị được giao nhiệm vụ thống kê thuộc Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp có trách nhiệm lập biểu thống kê số 07.

2. Một số hướng dẫn cụ thể theo từng biểu

2.1. Biểu số 01/TKLN

Biểu này dùng để thống kê việc trung cầu giám định và sử dụng kết luận giám định trong giai đoạn khởi tố, điều tra; chỉ bao gồm các trường hợp do Cơ quan điều tra hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra ban hành quyết định trung cầu giám định.

- Công thức tính:

Dòng 3 = Dòng 4 + Dòng 16 + Dòng 23 + Dòng 24 + Dòng 25 + Dòng 26 +
Dòng 27 + Dòng 28 + Dòng 29 + Dòng 30 + Dòng 31;

Dòng 33 = Dòng 2 + Dòng 3;

Dòng 76 = Dòng 33 – Dòng 35 – Dòng 44 – Dòng 75;

Dòng 125 = Dòng 123 + Dòng 124;

Dòng 130 = Dòng 125 – Dòng 126;

Dòng 134 = Dòng 132 + Dòng 133;

Dòng 139 = Dòng 134 – Dòng 135.

Dòng 3 (Số mới): Thống kê số quyết định trung cầu giám định được ban hành mới trong kỳ báo cáo. Chỉ tiêu này được phân loại đồng thời theo 02 tiêu chí độc lập: Lĩnh vực chuyên môn giám định và Chủ thể trung cầu.

Dòng 32 (Số do Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra mới trung cầu giám định): Thống kê số quyết định trung cầu giám định mới do Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra ban hành trong kỳ thống kê, không phân biệt lĩnh vực giám định. Chỉ tiêu này được thống kê độc lập nhằm phản ánh số lượng quyết định trung cầu giám định do chủ thể này ban hành, nếu thống kê trên toàn bộ số quyết định trung cầu thì dòng 32 là phân tử của dòng 3, không phải là chỉ tiêu cộng thêm.

- **Dòng 78 (Số quá hạn luật định):** Thống kê số lượng quyết định trung cầu giám định mà tính đến thời điểm thống kê, thời hạn thực hiện giám định theo quy định của pháp luật (hoặc thời hạn đã được gia hạn hợp pháp) đã hết nhưng chưa nhận được kết luận giám định từ tổ chức, cá nhân thực hiện giám định.

- **Dòng 80 (Số quá hạn phải tạm đình chỉ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố):** Thống kê số tin báo, tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố Cơ quan điều tra đã ra quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết với lý do:

Đã trưng cầu giám định nhưng chưa có kết quả, đồng thời thời hạn thực hiện giám định đã quá thời hạn quy định của pháp luật. Khi thực hiện thống kê cần lưu ý: Chỉ tiêu này là một phân tổ chi tiết của dòng 78, do đó số liệu tại dòng này phải được trích xuất từ các trường hợp đã kê khai tại dòng 78 và đảm bảo tính logic ($\text{Dòng } 80 \leq \text{Dòng } 78$) khi đối soát báo cáo.

- **Các tiêu chí từ dòng 81 đến dòng 93:** Đây là các phân tổ của dòng 80, phản ánh số trường hợp tạm đình chỉ giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm, kiến nghị khởi tố do việc thực hiện giám định của cơ quan, tổ chức được trưng cầu không bảo đảm thời hạn theo quy định của pháp luật hoặc thời hạn được gia hạn (nếu có). Số liệu được phân theo từng cơ quan, tổ chức trực tiếp thực hiện giám định.

- **Dòng 94 (Số quá hạn phải tạm đình chỉ điều tra):** Thống kê số vụ án, bị can Cơ quan điều tra đã ra quyết định tạm đình chỉ điều tra với lý do: Đã trưng cầu giám định nhưng chưa có kết quả nhưng đã hết thời hạn điều tra, đồng thời thời hạn thực hiện giám định đã quá thời hạn quy định của pháp luật. Khi thực hiện thống kê cần lưu ý: Chỉ tiêu này là một phân tổ chi tiết của dòng 78, do đó số liệu tại dòng này phải được trích xuất từ các trường hợp đã kê khai tại Dòng 78 và đảm bảo tính logic ($\text{Dòng } 94 \leq \text{Dòng } 78$) khi đối soát báo cáo.

- **Các tiêu chí từ dòng 95 đến dòng 107:** Đây là phân tổ của dòng 94 và được thống kê tương tự như các dòng từ 81 đến 93.

- **Từ dòng 109 đến dòng 120:** Đây là các chỉ tiêu phản ánh việc sử dụng kết luận giám định trong quá trình giải quyết vụ án hình sự của cơ quan tiến hành tố tụng. Số liệu tại các dòng này được thống kê theo từng mục đích, kết quả sử dụng cụ thể của kết luận giám định. Mỗi kết luận giám định chỉ được thống kê vào một dòng tương ứng. Trường hợp một kết luận giám định được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau thì chỉ tính vào dòng phản ánh kết quả sử dụng có ý nghĩa quyết định; nếu các kết quả sử dụng có ý nghĩa như nhau thì thống kê vào dòng có số thứ tự nhỏ hơn, bảo đảm không trùng lặp số liệu.

- **Từ dòng 123 đến dòng 130:** Thống kê số văn bản yêu cầu của Viện kiểm sát đối với Cơ quan điều tra về việc trưng cầu giám định, bao gồm số tồn từ kỳ trước chuyển sang và số phát sinh trong kỳ. Đồng thời phản ánh kết quả giải quyết các yêu cầu này, gồm các trường hợp đã được chấp nhận và ban hành quyết định trưng cầu giám định, các trường hợp bị từ chối bằng thông báo và số trường hợp đã có kết luận giám định; số còn lại là các yêu cầu chưa được giải quyết hoặc đang trong quá trình giải quyết đến thời điểm kết thúc kỳ thống kê.

- **Từ dòng 132 đến dòng 139:** Thống kê số văn bản yêu cầu của người tham gia tố tụng đối với Cơ quan điều tra về việc trưng cầu giám định, bao gồm số tồn từ kỳ trước chuyển sang và số phát sinh trong kỳ. Đồng thời phản ánh kết quả giải

quyết các yêu cầu này, gồm các trường hợp đã được chấp nhận và ban hành quyết định trung cầu giám định, các trường hợp bị từ chối bằng thông báo và số trường hợp đã có kết luận giám định; số còn lại là các yêu cầu chưa được giải quyết hoặc đang trong quá trình giải quyết đến thời điểm kết thúc kỳ thống kê.

2.2. Biểu số 02/TKLN

Biểu này thống kê việc trung cầu giám định và sử dụng kết luận giám định trong giai đoạn truy tố. Chỉ thống kê các trường hợp Viện kiểm sát trực tiếp trung cầu giám định; không bao gồm các trường hợp do cơ quan khác trung cầu, nhằm bảo đảm phạm vi thống kê chính xác, không trùng lặp.

- Công thức tính:

Dòng 32 = Dòng 2 + Dòng 3;

Dòng 73 = Dòng 32 – Dòng 33 – Dòng 42 – Dòng 72;

Dòng 125 = Dòng 123 + Dòng 124;

Dòng 130 = Dòng 125 – Dòng 126.

- **Dòng 74 (Số quá hạn luật định):** Thống kê số lượng quyết định trung cầu giám định mà tính đến thời điểm thống kê, thời hạn thực hiện giám định theo quy định của pháp luật (hoặc thời hạn đã được gia hạn hợp pháp) đã hết nhưng chưa nhận được kết luận giám định từ tổ chức, cá nhân thực hiện giám định.

- **Dòng 76 (Số quá hạn phải tạm đình chỉ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố):** Thống kê số tin báo, tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố Viện kiểm sát đã ra quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết với lý do: Đã trung cầu giám định nhưng chưa có kết quả, đồng thời thời hạn thực hiện giám định đã quá thời hạn quy định của pháp luật. Khi thực hiện thống kê cần lưu ý: Chỉ tiêu này là một phân tử chi tiết của dòng 74, do đó số liệu tại dòng 76 phải được trích xuất từ các trường hợp đã kê khai tại dòng 74 và đảm bảo tính logic ($\text{Dòng 76} \leq \text{Dòng 74}$) khi đối soát báo cáo.

- **Các tiêu chí từ dòng 77 đến dòng 89:** Đây là các phân tử của dòng 76, phản ánh số trường hợp tạm đình chỉ giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm, kiến nghị khởi tố do việc thực hiện giám định của cơ quan, tổ chức được trung cầu không bảo đảm thời hạn theo quy định của pháp luật hoặc thời hạn được gia hạn (nếu có). Số liệu được phân theo từng cơ quan, tổ chức trực tiếp thực hiện giám định.

- **Dòng 90 (Số quá hạn phải tạm đình chỉ vụ án):** Thống kê số vụ án, bị can Viện kiểm sát đã ra quyết định tạm đình chỉ điều tra với lý do: Đã trung cầu giám định nhưng chưa có kết luận, đồng thời thời hạn thực hiện giám định đã quá thời hạn quy định của pháp luật. Khi thực hiện thống kê cần lưu ý: Chỉ tiêu này là

một phân tổ chi tiết của dòng 74, do đó số liệu tại dòng này phải được trích xuất từ các trường hợp đã kê khai tại dòng 74 và đảm bảo tính logic (Dòng 90 $\leq$ Dòng 74) khi đối soát báo cáo.

- **Các tiêu chí từ dòng 91 đến dòng 103:** Đây là phân tổ của dòng 90 và được thống kê tương tự như các dòng từ 77 đến 89.

- **Từ dòng 105 đến dòng 120:** Đây là các chỉ tiêu phản ánh việc sử dụng kết luận giám định trong quá trình giải quyết vụ án hình sự của Viện kiểm sát. Số liệu tại các dòng này được thống kê theo từng mục đích, kết quả sử dụng cụ thể của kết luận giám định. Mỗi kết luận giám định chỉ được thống kê vào một dòng tương ứng. Trường hợp một kết luận giám định được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau thì chỉ tính vào dòng phản ánh kết quả sử dụng có ý nghĩa quyết định; nếu các kết quả sử dụng có ý nghĩa như nhau thì thống kê vào dòng có số thứ tự nhỏ hơn, bảo đảm không trùng lặp số liệu.

Lưu ý: Chỉ thống kê các kết luận giám định do Viện kiểm sát trực tiếp trung cầu; không thống kê các kết luận giám định do Cơ quan điều tra hoặc cơ quan được giao một số nhiệm vụ điều tra trung cầu, nhằm tránh trùng lặp và bảo đảm tính chính xác của số liệu.

- **Dòng 121 (Số vụ việc, vụ án trung cầu giám định):** Chỉ thống kê số vụ việc, vụ án do Viện kiểm sát trực tiếp trung cầu giám định; đối với các vụ việc, vụ án do Cơ quan điều tra hoặc cơ quan được giao một số nhiệm vụ điều tra trung cầu thì không thống kê.

- **Từ dòng 123 đến dòng 130:** Thống kê số văn bản yêu cầu của người tham gia tố tụng đối với Viện kiểm sát về việc trung cầu giám định, bao gồm số tồn từ kỳ trước chuyển sang và số phát sinh trong kỳ. Đồng thời phản ánh kết quả giải quyết các yêu cầu này, gồm các trường hợp đã được chấp nhận và ban hành quyết định trung cầu giám định, các trường hợp bị từ chối bằng thông báo và số trường hợp đã có kết luận giám định; số còn lại là các yêu cầu chưa được giải quyết hoặc đang trong quá trình giải quyết đến thời điểm kết thúc kỳ thống kê.

2.3. Biểu số 03/TKLN

Biểu này thống kê việc trung cầu giám định và sử dụng kết luận giám định trong giai đoạn xét xử (sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm) và thống kê trung cầu giám định của Tòa án đối với các trường hợp phạm nhân đang thi hành án phạt tù. Chỉ thống kê các trường hợp Tòa án nhân dân trực tiếp trung cầu giám định; không bao gồm các trường hợp do cơ quan khác trung cầu, nhằm bảo đảm phạm vi thống kê chính xác, không trùng lặp.

- Công thức tính:

Dòng 32 = Dòng 2 + Dòng 3;

Dòng 73 = Dòng 32 – Dòng 33 – Dòng 42 – Dòng 72;

Dòng 103 = Dòng 101 + Dòng 102;

Dòng 108 = Dòng 103 – Dòng 104;

Dòng 112 = Dòng 110 + Dòng 111;

Dòng 117 = Dòng 112 – Dòng 113.

- **Dòng 74 (Số quá hạn luật định):** Thống kê số lượng quyết định trưng cầu giám định mà tính đến thời điểm thống kê, thời hạn thực hiện giám định theo quy định của pháp luật (hoặc thời hạn đã được gia hạn hợp pháp) đã hết nhưng chưa nhận được kết luận giám định từ tổ chức, cá nhân thực hiện giám định.

- **Dòng 76 (Số quá hạn phải tạm đình chỉ vụ án):** Thống kê số vụ án, bị can Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ xét xử với lý do: Đã trưng cầu giám định nhưng chưa có kết luận, đồng thời thời hạn thực hiện giám định đã quá thời hạn quy định của pháp luật. Khi thực hiện thống kê cần lưu ý: Chỉ tiêu này là một phân tử chi tiết của dòng 74, do đó số liệu tại dòng này phải được trích xuất từ các trường hợp đã kê khai tại dòng 74 và đảm bảo tính logic ($\text{Dòng 76} \leq \text{Dòng 74}$) khi đối soát báo cáo.

- **Các tiêu chí từ dòng 77 đến dòng 89:** Đây là các phân tử của dòng 76, phản ánh số trường hợp tạm đình chỉ xét xử do việc thực hiện giám định của cơ quan, tổ chức được trưng cầu không bảo đảm thời hạn theo quy định của pháp luật hoặc thời hạn được gia hạn (nếu có). Số liệu được phân theo từng cơ quan, tổ chức trực tiếp thực hiện giám định.

- **Từ dòng 91 đến dòng 98:** Đây là các chỉ tiêu phản ánh việc sử dụng kết luận giám định trong quá trình giải quyết vụ án hình sự của Tòa án nhân dân. Số liệu tại các dòng này được thống kê theo từng mục đích, kết quả sử dụng cụ thể của kết luận giám định. Mỗi kết luận giám định chỉ được thống kê vào một dòng tương ứng. Trường hợp một kết luận giám định được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau thì chỉ tính vào dòng phản ánh kết quả sử dụng có ý nghĩa quyết định; nếu các kết quả sử dụng có ý nghĩa như nhau thì thống kê vào dòng có số thứ tự nhỏ hơn, bảo đảm không trùng lặp số liệu.

Lưu ý: Chỉ thống kê các kết luận giám định do Tòa án trực tiếp trưng cầu; không thống kê các kết luận giám định do Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trưng cầu, nhằm tránh trùng lặp và bảo đảm tính chính xác của số liệu.

- **Dòng 99 (Số vụ án trưng cầu giám định):** Chỉ thống kê số vụ án do Tòa án trực tiếp trưng cầu giám định; đối với các vụ án do Cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát đã trưng cầu thì không thống kê.

- **Từ dòng 101 đến dòng 108:** Thống kê số văn bản yêu cầu của Cơ quan thi hành án hình sự với Tòa án về việc trưng cầu giám định, bao gồm số tồn từ kỳ trước chuyển sang và số phát sinh trong kỳ. Đồng thời phản ánh kết quả giải quyết các yêu cầu này, gồm các trường hợp đã được chấp nhận và ban hành quyết định trưng cầu giám định, các trường hợp bị từ chối bằng thông báo và số trường hợp đã có kết luận giám định; số còn lại là các yêu cầu chưa được giải quyết hoặc đang trong quá trình giải quyết đến thời điểm kết thúc kỳ thống kê.

- **Từ dòng 110 đến dòng 117:** Thống kê số văn bản yêu cầu của người tham gia tố tụng với Tòa án về việc trưng cầu giám định, bao gồm số tồn từ kỳ trước chuyển sang và số phát sinh trong kỳ. Đồng thời phản ánh kết quả giải quyết các yêu cầu này, gồm các trường hợp đã được chấp nhận và ban hành quyết định trưng cầu giám định, các trường hợp bị từ chối bằng thông báo và số trường hợp đã có kết luận giám định; số còn lại là các yêu cầu chưa được giải quyết hoặc đang trong quá trình giải quyết đến thời điểm kết thúc kỳ thống kê.

2.4. Biểu số 04/TKLN

Biểu này thống kê việc thực hiện giám định của các tổ chức giám định công lập thuộc ngành Công an. Mỗi trường hợp giám định được thống kê theo đúng cơ quan đã trưng cầu hoặc yêu cầu giám định; trường hợp do cơ quan nào trưng cầu, yêu cầu thì ghi nhận vào mục tương ứng của cơ quan đó, bảo đảm không nhầm lẫn, không trùng lặp.

Dòng 4 = Dòng 2 + Dòng 3;

Dòng 5 = Dòng 6 + Dòng 7 + Dòng 8;

Dòng 9 = Dòng 4 – Dòng 5;

Dòng 15 = Dòng 13 + Dòng 14;

Dòng 16 = Dòng 17 + Dòng 18 + Dòng 19;

Dòng 20 = Dòng 15 – Dòng 16;

Dòng 26 = Dòng 24 + Dòng 25;

Dòng 27 = Dòng 28 + Dòng 29 + Dòng 30;

Dòng 31 = Dòng 26 – Dòng 27;

Dòng 37 = Dòng 35 + Dòng 36;

Dòng 38 = Dòng 39 + Dòng 40 + Dòng 41;

Dòng 42 = Dòng 37 – Dòng 38;

Dòng 48 = Dòng 46 + Dòng 47;

Dòng 49 = Dòng 50 + Dòng 51 + Dòng 52;

Dòng 53 = Dòng 48 – Dòng 49;

Dòng 59 = Dòng 57 + Dòng 58;

Dòng 60 = Dòng 61 + Dòng 62 + Dòng 63;

Dòng 64 = Dòng 59 – Dòng 60;

Dòng 70 = Dòng 68 + Dòng 69;

Dòng 71 = Dòng 72 + Dòng 73 + Dòng 74;

Dòng 75 = Dòng 70 – Dòng 71.

2.5. Biểu số 05/TKLN

Biểu này thống kê việc thực hiện giám định của các tổ chức giám định công lập thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Mỗi trường hợp giám định được thống kê theo đúng cơ quan đã trưng cầu hoặc yêu cầu giám định; trường hợp do cơ quan nào trưng cầu, yêu cầu thì ghi nhận vào mục tương ứng của cơ quan đó, bảo đảm không nhầm lẫn, không trùng lặp.

Dòng 4 = Dòng 2 + Dòng 3;

Dòng 5 = Dòng 6 + Dòng 7 + Dòng 8;

Dòng 9 = Dòng 4 – Dòng 5;

Dòng 15 = Dòng 13 + Dòng 14;

Dòng 16 = Dòng 17 + Dòng 18 + Dòng 19;

Dòng 20 = Dòng 15 – Dòng 16;

Dòng 26 = Dòng 24 + Dòng 25;

Dòng 27 = Dòng 28 + Dòng 29 + Dòng 30;

Dòng 31 = Dòng 26 – Dòng 27;

Dòng 37 = Dòng 35 + Dòng 36;

Dòng 38 = Dòng 39 + Dòng 40 + Dòng 41;

Dòng 42 = Dòng 37 – Dòng 38;

Dòng 48 = Dòng 46 + Dòng 47;

Dòng 49 = Dòng 50 + Dòng 51 + Dòng 52;

Dòng 53 = Dòng 48 – Dòng 49;

Dòng 59 = Dòng 57 + Dòng 58;

Dòng 60 = Dòng 61 + Dòng 62 + Dòng 63;

Dòng 64 = Dòng 59 – Dòng 60.

2.6. Biểu số 06/TKLN

Biểu này thống kê việc thực hiện giám định của các tổ chức giám định công lập thuộc Bộ Quốc phòng. Mỗi trường hợp giám định được thống kê theo đúng cơ quan đã trưng cầu hoặc yêu cầu giám định; trường hợp do cơ quan nào trưng cầu, yêu cầu thì ghi nhận vào mục tương ứng của cơ quan đó, bảo đảm không nhầm lẫn, không trùng lặp.

Dòng 4 = Dòng 2 + Dòng 3;

Dòng 5 = Dòng 6 + Dòng 7 + Dòng 8;

Dòng 9 = Dòng 4 – Dòng 5;

Dòng 15 = Dòng 13 + Dòng 14;

Dòng 16 = Dòng 17 + Dòng 18 + Dòng 19;

Dòng 20 = Dòng 15 – Dòng 16;

Dòng 26 = Dòng 24 + Dòng 25;

Dòng 27 = Dòng 28 + Dòng 29 + Dòng 30;

Dòng 31 = Dòng 26 – Dòng 27;

Dòng 37 = Dòng 35 + Dòng 36;

Dòng 38 = Dòng 39 + Dòng 40 + Dòng 41;

Dòng 42 = Dòng 37 – Dòng 38;

Dòng 48 = Dòng 46 + Dòng 47;

Dòng 49 = Dòng 50 + Dòng 51 + Dòng 52;

Dòng 53 = Dòng 48 – Dòng 49;

Dòng 59 = Dòng 57 + Dòng 58;

Dòng 60 = Dòng 61 + Dòng 62 + Dòng 63;

Dòng 64 = Dòng 59 – Dòng 60;

Dòng 70 = Dòng 68 + Dòng 69;

Dòng 71 = Dòng 72 + Dòng 73 + Dòng 74;

Dòng 75 = Dòng 70 – Dòng 71.

2.7. Biểu số 07/TKLN

Biểu này thống kê việc thực hiện giám định của các tổ chức giám định công lập thuộc ngành Y tế, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc và văn phòng giám định tư pháp. Mỗi trường hợp giám định được thống kê theo đúng cơ quan đã

trung cầu hoặc yêu cầu giám định; trường hợp do cơ quan nào trung cầu, yêu cầu thì ghi nhận vào mục tương ứng của cơ quan đó, bảo đảm không nhầm lẫn, không trùng lặp.

$$\text{Dòng 4} = \text{Dòng 2} + \text{Dòng 3};$$

$$\text{Dòng 5} = \text{Dòng 6} + \text{Dòng 7} + \text{Dòng 8};$$

$$\text{Dòng 9} = \text{Dòng 4} - \text{Dòng 5};$$

$$\text{Dòng 15} = \text{Dòng 13} + \text{Dòng 14};$$

$$\text{Dòng 16} = \text{Dòng 17} + \text{Dòng 18} + \text{Dòng 19};$$

$$\text{Dòng 20} = \text{Dòng 15} - \text{Dòng 16};$$

$$\text{Dòng 26} = \text{Dòng 24} + \text{Dòng 25};$$

$$\text{Dòng 27} = \text{Dòng 28} + \text{Dòng 29} + \text{Dòng 30};$$

$$\text{Dòng 31} = \text{Dòng 26} - \text{Dòng 27};$$

$$\text{Dòng 37} = \text{Dòng 35} + \text{Dòng 36};$$

$$\text{Dòng 38} = \text{Dòng 39} + \text{Dòng 40} + \text{Dòng 41};$$

$$\text{Dòng 42} = \text{Dòng 37} - \text{Dòng 38};$$

$$\text{Dòng 48} = \text{Dòng 46} + \text{Dòng 47};$$

$$\text{Dòng 49} = \text{Dòng 50} + \text{Dòng 51} + \text{Dòng 52};$$

$$\text{Dòng 53} = \text{Dòng 48} - \text{Dòng 49};$$

$$\text{Dòng 59} = \text{Dòng 57} + \text{Dòng 58};$$

$$\text{Dòng 60} = \text{Dòng 61} + \text{Dòng 62} + \text{Dòng 63};$$

$$\text{Dòng 64} = \text{Dòng 59} - \text{Dòng 60};$$

$$\text{Dòng 70} = \text{Dòng 68} + \text{Dòng 69};$$

$$\text{Dòng 71} = \text{Dòng 72} + \text{Dòng 73} + \text{Dòng 74};$$

$$\text{Dòng 75} = \text{Dòng 70} - \text{Dòng 71}.$$